

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7- 2022

*“V/v ly hôn giữa*

*Ông Nh(T) và bà T”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thái Quân.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/03/2022 về tranh chấp *“Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thiện N (T), sinh năm 1974.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Mộng T, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Tổ 5, ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24/01/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Thiện N trình bày:*

Bà T và ông Nh sau thời gian tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2005, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 27 tháng 8 năm 2007, Sau khi kết hôn vợ chồng sống

một thời gian tại xã Phú L thì lên Bình Dương tìm việc làm, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu do kinh tế gia đình, T làm ăn gây nợ nần, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, sau khi cãi nhau ông Nh bỏ về quê một thời gian, khi trở lại Bình Dương thì phát hiện T sống chung vợ chồng với người đàn ông khác. Tháng 4/2021 ông Nh bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân, từ lúc ly thân đến nay bà T không điện thoại hay tới lui thăm hỏi hay có ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn ông Nh yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Nh, bà T có 01 người con chung tên Nguyễn Thiện N Ph, sinh ngày 26/01/2010 con chung hiện đang sống với bà T, khi ly hôn ông Nh đồng ý giao con chung cho T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không.

Về nợ chung: Không có. Ngày 27/5/2022 tại biên bản hòa giải ông Nh có đơn xin xét xử vắng mặt

Bà Trần Mộng T vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

*Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân* được bà Trần Thị My mẹ ruột ông Nh cho biết: Ông Nh là con ruột, bà T là con dâu hôn nhân của N là do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú L. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng N là do kinh tế gia đình, T làm ăn nhưng thường xuyên gây ra nợ nần, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, sau khi cãi nhau thì N bỏ về quê một thời gian, sau khi trở lại Bình Dương thì phát hiện T có người đàn ông khác nên N bỏ về quê sống từ hơn 01 năm nay, về ý kiến ly hôn của N tôi đề nghị Tòa án cho ly hôn vì N, T đã ly thân thời gian rất lâu. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thiện N Ph, sinh ngày 26/01/2010 cháu nội đang sống với T, tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, về tài sản chung, nợ chung tôi được biết là không có.

*Ông Trương Văn Dũng – Trưởng ấp Phú Thuận B cho biết:* Ông Nguyễn Thiện N (T) và bà Trần Mộng T là vợ chồng có tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn vợ chồng N sinh sống tại Bình Dương, khoản đầu năm 2021 đến nay chỉ thấy N sống tại nhà ở ấp Phú Thuận B, xã Phú L, không thấy T sống cùng từ đầu năm 2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ông Nh như thế nào thì không rõ, hiện tại N, T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên bà Trần Mộng T vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng bà không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của ông Nh, bà T được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được. Nên yêu cầu ly hôn của ông Nh là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Hiện tại đang sống với bà T, ông Nh đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng. Đề nghị HĐXX giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, Nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện N (T) có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Mộng T được tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông, bà không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hiện tại bà Trần Mộng T có nơi cư trú tại ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của bà T và ông Nh được xác lập năm 2005 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà T, ông Nh có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, đời sống tình cảm ngày càng trầm trọng. Tháng 4/2021 ông Nh bỏ nhà đi, vợ chồng

ly thân, trong thời gian ly thân bà T không tới lui thăm hỏi hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị My và ông Trương Văn Dũng.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Thế nhưng vợ chồng ông Nh, bà T không còn chung sống khoảng một năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho ông Nh được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Ông Nh trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thiện N Ph, sinh ngày 26/01/2010 con chung chưa thành niên. Ông Nh đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng. Xét thấy từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với T, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Phúc cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Bà T không ý kiến trình bày, không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Ông Nh trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Ông Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điều 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho ông Nguyễn Thiện N (T) được ly hôn với bà Trần Mộng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 27/08/2007 của Ủy ban nhân dân xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

**Về con chung:** Bà Trần Mộng T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Nguyễn Thiện N Ph, sinh ngày 26/01/2010. Con chung hiện đang sống với bà T. Ông Nguyễn Thiện N (T) không phải cấp dưỡng cho con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

**Về tài sản chung:** không.

**Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng:** Không.

**Về án phí:** Ông Nguyễn Thiện N (T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004414 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ông Nh không phải nộp thêm án phí.

Bà Trần Mộng T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nh, bà T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Phú L;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**

